

Bản án số: 44/2025/HS-ST

Ngày: 06/03/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Tân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Danh Cư

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thiện Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2025/TLST-HS ngày 23/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HS ngày 06/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Phan Ngọc Nhật P; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 03/5/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: A V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Nhà không sổ, phía sau nhà số C Rạch C, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Phan Ngọc H (đã chết) và bà Trần Lệ H1; bị cáo có chồng và 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2022); Tiền án : Ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 30/4/2020, chấp hành xong toàn bộ bản án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 08/6/2024. (bị cáo có mặt).

2. Phạm Thế V; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 24/8/1965 tại Long An; Nơi thường trú: 240/13/28 N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú:

Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Giúp việc; Con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Lê Thị N (đã chết); bị cáo có chồng và 02 con (lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1986); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 08/6/2024. (bị cáo có mặt)

3. Nguyễn Thanh A; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12/5/1996 tại Bến Tre; Nơi thường trú: 387/PT ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Lê Thị N1; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự : Không; Nhân thân: Ngày 15/3/2021, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng. Đến ngày 02/3/2022, chấp hành xong quyết định.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 07/6/2024. (bị cáo có mặt)

4. Thiệu Quang H3; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08/8/1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 4 B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Thu mua ve chai; con ông Thiệu Quang N2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ và 03 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2015). Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 14/12/2006, bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 08/10/2011, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa đóng án phí dân sự sơ thẩm và chưa bồi thường phần dân sự.

Nhân thân: Ngày 24/10/2000, bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải”. Đến ngày 24/10/2002, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án hình sự.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 14/6/2024. (bị cáo có mặt)

Bị hại:

1/ Ông Đỗ Hải Đ; sinh năm 1998; Nơi thường trú: Ấp H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: 14 đường E, khu dân cư B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Kim H2; sinh năm 2000; Nơi thường trú: 9 P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: E đường số E, khu dân cư B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Lương Trọng Q; sinh năm 1982; Nơi thường trú: Tổ F, Ấp T-T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, chỗ ở: B Khu dân cư B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Ông Phạm Minh L2; địa chỉ: 2 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Thanh B; sinh năm 1988; Nơi thường trú: 387PT ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre, chỗ ở: ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/ Bà Lương Thị Ngọc T; sinh năm 1976; Nơi thường trú: 4 B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở: Số A Lô A, B, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

5/ Bà Trần Ngọc M1; sinh năm 1983; Nơi thường trú: Khóm B, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, chỗ ở: Phòng trọ số 3, số B Rạch L, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 07/6/2024, Công an P1, Quận H kiểm tra hành chính bãi đất trống cạnh số B đường số C, khu dân cư B, Phường G, Quận H phát hiện Nguyễn Thanh A có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra, Công an phát hiện thu giữ trong túi quần trước bên trái của A có 01 gói nylon chứa tinh thể (A khai nhận đó là ma túy của A dùng để sử dụng), ngoài ra còn thu giữ của A 02 điện thoại di động, 01 đoạn băng kim loại, 01 cờ lê 02 đầu tròn bằng kim loại và 01 giấy đăng ký xe biển số: 34F4-5406. Sau đó, Công an P1, Quận H tiến hành thu giữ vật chứng và dẫn giải A về trụ sở để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh A khai nhận:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 10 giờ, ngày 07/6/2024, Nguyễn Thanh A đến khu vực nhà không số, sau số C Rạch C, Phường G, Quận H để tìm mua ma túy của Phan Ngọc Nhật P. A đến và bấm chuông, gặp Phạm Thế V (người phụ giúp P bán ma túy) hỏi mua gói ma túy đá với giá 200.000 đồng rồi đưa tiền cho V qua khe cửa, lúc sau V đưa cho A qua khe cửa 01 gói nylon chứa ma túy. Sau đó, A nhận gói ma túy và bỏ vào túi quần bên trái rồi ra chợ B1 làm việc. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, A bị Công an P1, Quận H kiểm tra phát hiện như trên.

A mua ma túy của P được 07 lần, liên hệ với P bằng cách gọi điện vào số 0933.672.440 của P. A được P trực tiếp bán ma túy 02 lần, 05 lần còn lại thì V là

người bán ma túy cho A để sử dụng. Tất cả những lần giao dịch mua bán ma túy là tại khu vực nhà không số, sau số C Rạch C, Phường G, Quận H.

Qua truy xét, ngày 08/6/2024, Công an P1, Quận H phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 tiến hành kiểm tra hành chính nhà không số, sau số C Rạch C, Phường G, Quận H, trong nhà có Phan Ngọc Nhật P và Phạm Thế V. Qua kiểm tra, P tự lấy trong hộp nhựa để dưới sàn nhà giao nộp 01 hộp thiếc bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể (P khai nhận đó là ma túy của P dùng để bán cho khách). V khai nhận là người phụ bán ma túy cho P. Sau đó, Công an P1, Quận H tiến hành thu giữ toàn bộ vật chứng và dẫn giải P, V về trụ sở để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra, Phan Ngọc Nhật P khai nhận:

Do không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền tiêu xài nên từ tháng 12/2023, P liên hệ nhiều người (không rõ lai lịch) quen biết ngoài xã hội hỏi đặt mua ma túy đã bán lại kiếm lời. Sau khi mua ma túy về, P phân nhỏ ma túy bằng cân tiểu ly, bỏ vào trong gói nylon, chia ra gói ma túy loại 300.000 đồng, loại 200.000 đồng, loại 150.000 đồng (đa số là loại 200.000 đồng) rồi đem bán cho người nghiện. Người mua gọi cho P qua số điện thoại 0933.672.440 hoặc số 0902.929.014 hỏi mua ma túy, rồi đến nhà P để mua ma túy. Khi khách đến thì bấm chuông hoặc gọi điện thoại và đưa tay ra hiệu, P quan sát qua camera gắn tại nhà thấy thì mở cửa lấy tiền mua ma túy của khách, sau đó lấy ma túy đã được chia sẵn bán cho khách.

Đến khoảng tháng 4/2024, V qua nhà P để phụ việc nhà và chăm con nhỏ cho P. Ngoài ra, V còn phụ P bán ma túy cho khách. Từ khoảng 08 giờ đến 16 giờ hằng ngày, khi có người đến mua ma túy đã nhưng P bận việc thì P nhờ V giao ma túy cho người mua. Người mua vẫn liên lạc trực tiếp với P nhưng P nhờ V lấy ma túy (do P phân sẵn bỏ trong gói nylon) giao trực tiếp cho khách tại cửa nhà. P trả tiền công 200.000 đồng/ngày cho V, gồm cả tiền chăm con cho P và tiền bán ma túy cho P.

P đã bán ma túy cho A được 07 lần, trong đó có 02 lần P bán trực tiếp còn 05 lần P đưa ma túy cho V đi giao cho A. Trong đó, lần gần nhất là khoảng 10 giờ, ngày 07/6/2024, A đến mua ma túy đã gói 200.000 đồng thì P đưa ma túy cho V, V giao lại trực tiếp cho A. Tất cả những lần giao dịch mua bán ma túy là tại khu vực nhà không số, sau số C Rạch C, Phường G, Quận H.

Từ tháng 12/2023 đến ngày 08/6/2024, mỗi tháng P mua ma túy 02 lần, mỗi lần bán lời khoảng 5.000.000 đồng, tổng số tiền Phương thu lợi bất chính là 60.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Thế V khai nhận:

Do không có việc làm nên V đến nhà P (chị ruột của con dâu V) tại nhà không số, sau nhà số C Rạch C, Phường G, Quận H để giữ con và giúp việc nhà từ

c cuối tháng 9/2023. Đến khoảng đầu tháng 4/2024 đến nay, V tham gia bán ma túy đá cho P và được trả công 200.000 đồng/ngày. Từ khoảng 08 giờ đến 16 giờ hằng ngày, khi nào có người đến mua ma túy đá thì sẽ liên lạc với P để thỏa thuận số lượng và giá bán. Sau đó, người mua đến trước cửa hàng rào tại nhà không số, sau số C Rạch C, Phường G, Quận H bấm chuông hoặc gọi điện thoại cho P. P lấy ma túy đem ra cổng rào giao ma túy và nhận tiền. Khi P bận công việc thì P lấy gói ma túy đưa cho V để V đem ra trước cửa hàng rào để giao ma túy và nhận tiền, rồi V đem tiền đưa lại cho P.

V bán ma túy cho A được 05 lần. Trong đó, lần gần nhất là khoảng 10 giờ, ngày 07/6/2024, A đến nhà P mua gói ma túy giá 200.000 đồng, V trực tiếp nhận tiền và đưa ma túy cho A. Tất cả những lần giao dịch mua bán ma túy là tại khu vực nhà không số, sau số C Rạch C, Phường G, Quận H.

Ngoài hành vi nêu trên, A khai nhận thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn chợ B1, Phường G, Quận H gồm:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ, ngày 20/5/2024, A đi làm về khi đến trước vựa Má L3 - K, D nhà lồng D, chợ B1, Phường G, Quận H thì phát hiện có 01 chiếc xe gắn máy giống loại xe Dream không gắn biển số (không rõ bị hại), không người trông coi, dựng chống nghiêng và không khóa cổ nên A lén lút lấy chiếc xe trên đem bán tại số C đường B, khu dân cư B, Phường G, Quận H (nơi thu mua ve chai của Thiệu Quang H3) với giá 400.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết. Khi bán xe, A mở cốp xe thì phát hiện bên trong có 01 giấy đăng ký xe biển số 34F4-5406 (do A đã nói với H3 đây là xe cũ không có giấy tờ nên khi thấy có giấy tờ xe thì A sợ H3 không mua nên A không giao giấy này).

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ, ngày 24/5/2024, A đi bộ ngang nhà số E đường số E, khu dân cư B, Phường G, Quận H thì phát hiện chiếc xe gắn máy loại Wave, biển số: 95F4-1719 của chị Nguyễn Thị Kim H2 dựng chống nghiêng trước nhà, không người trông coi và cầm sẵn chìa khóa trên xe nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt. A lén lút lấy trộm chiếc xe trên, đạp nổ máy xe và tẩu thoát. Sau đó, A bán xe này cho Thiệu Quang H3 được 500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ, ngày 26/5/2024, A đi bộ ngang nhà trọ địa chỉ B Rạch L, Phường G, Quận H thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Mio Ultimo (không rõ biển số) của chị Trần Ngọc M1 dựng trước phòng trọ số 3, đầu xe dựng song song với cửa trọ, dựng chống nghiêng, không khóa cổ và không người trông coi nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt. A lén lút lấy trộm chiếc xe trên bán cho Thiệu Quang H3 được 600.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ, ngày 05/6/2024, A đi bộ ngang nhà của ông Bảy C, địa chỉ D đường số H, khu dân cư B, Phường G, Quận H thì phát hiện 01 chiếc xe Honda AirBlade, màu đen (không gắn biển số) của anh Đỗ Hải Đ dựng trước cửa nhà, đầu xe hướng vào cửa nhà, chìa khóa cầm sẵn trên xe nhưng bánh sau có

khóa bằng 01 ổ khóa móc vào bánh nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt. A lén lút ngồi lên xe nổ máy, tẩu thoát về hướng chợ B1. Khi đi ngang tiệm sửa xe bên lề đường, A vào tiệm mượn thợ sửa xe máy cắt và tự dùng máy cắt để cắt ổ khóa bánh sau rồi tiếp tục chạy xe này bán cho Thiều Quang Hiền được 750.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Khi bán các chiếc xe nêu trên, riêng chiếc xe Dream không gắn biển số do A trộm tại vừa Má Ly thì A không cho H3 biết cụ thể nguồn gốc xe. Ba chiếc xe còn lại do A trộm được, A đều cho H3 biết nguồn gốc các xe này. Do các xe đều không có giấy tờ, cách vài ngày thì A lại đem xe đến bán nên H3 biết những chiếc xe này là xe do A phạm tội mà có.

Thiều Quang H3 khai nhận:

Bản thân thu mua phế liệu, vì vụ lợi nên đã mua 04 chiếc xe gắn máy từ Nguyễn Thanh A nêu trên. Đối với xe gắn máy D (không gắn biển số) do A đem bán lần đầu thì A không nói rõ nguồn gốc xe do trộm cắp mà có. Chiếc xe Wave, biển số: 95F4 – 1719, khi bán xe A nói rõ cho H3 biết nguồn gốc xe do trộm cắp mà có được; 02 chiếc xe Yamaha Mio Ultimo và H4 AirBlade khi đem xe đến bán cho H3 thì A không nói nhưng H3 hiểu và ý thức được xe do trộm cắp mà có. Sau khi thu mua xe, H3 tháo rời các bộ phận của 03 chiếc xe (Dream, W và Yamaha Mio U) để bán phế liệu cho người đến mua, thu lợi bất chính được tổng số tiền là 200.000 đồng. Vào ngày 05/6/2024, A đem chiếc xe Honda AirBlade, không gắn biển số thì H3 giữ nguyên hiện trạng cất giữ ở kho phế liệu tại số: 30 đường B, khu dân cư B, Phường G, Quận H. Khi được vận động giao nộp xe, H3 đã gọi điện thoại nhờ anh Lương Trọng Q mở kho phế liệu để giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản Quận H, kết luận:

+ 01 xe gắn máy Ultimo, màu trắng, không nhớ biển số (không thu hồi được vật chứng); 01 xe gắn máy Dream, không rõ biển số, chưa làm việc được bị hại (không thu hồi được vật chứng): Do chưa có đủ thông tin, hồ sơ kèm theo nên Hội đồng định giá tài sản phục vụ công tác tố tụng hình sự Quận H không có cơ sở định giá tài sản.

+ 01 xe gắn máy Honda AirBlade, màu đen bạc, không gắn biển số, biển số đăng ký 59S1-340.33, theo bản ảnh do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q2 cung cấp, qua khảo sát thực tế tài sản có giá là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

+ 01 xe gắn máy loại Wave Trung Quốc, màu đen bạc, biển số: 95F4-1719, theo bản ảnh do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q2 có giá là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 6988/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Tinh thể trong 01 gói nylon được niêm phong bên

ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Thanh A và hình dấu Công an P1, Quận H là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1966g, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 6989/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Tinh thể trong 01 gói nylon (để trong 01 hộp thiếc) được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Phan Ngọc Nhật P, Phạm Thế V và hình dấu Công an P1, Quận H là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 26,6008g, loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 7656/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Bản in "đăng ký mô tô, xe máy" số A0043721 mang tên chủ xe Nguyễn Tất D1, biển số 34F4-5406, đề ngày cấp 10/11/1999 cần giám định là thật; Không đủ cơ sở kết luận hình dấu Công an tỉnh H và chữ ký Trung tá Vũ Xuân D2 là thật hay giả.

Tại bản Kết luận giám định số: 3801/KL-KTHS ngày 22/7/2024 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Xe gắn máy Honda AirBlade, màu đen bạc, không gắn biển số, có số khung nguyên thủy: RLHJF2703BY154326 (không bị đục lại số); số máy nguyên thủy: JF27E-0977178 (không bị đục lại số).

Qua xác minh, xe gắn máy có số khung: RLHJF2703BY154326, số máy: JF27E-0977178, đăng ký biển số: 59S1- 340.33 do ông Phạm Minh L2, cư trú: 2 N, Phường A, quận B đứng tên chủ xe. Qua làm việc, ông L2 cho biết: Vào ngày 07/5/2020, ông mua mới xe Honda AirBlade, màu đen bạc đăng ký biển số: 59S1 – 340.33. Ông L2 sử dụng khoảng thời gian 01 năm thì bán lại cho 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 8.000.000 đồng, khi bán không làm giấy tờ mua bán, chưa làm thủ tục sang tên. Do xe đã bán, ông L2 không có yêu cầu gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe gắn máy, biển số: 59S1- 340.33; số khung: RLHJF2703BY154326, số máy: JF27E-0977178 và xe gắn máy, biển số: 34F4 – 5406.

Tại cáo trạng số 252/CT-VKS-Q8 ngày 02/10/2024 đã truy tố các bị cáo như sau:

- Phan Ngọc Nhật P và Phạm Thế V, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Nguyễn Thanh A, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Thiều Quang H3, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm luận tội như sau: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt:

Phan Ngọc Nhật P mức án từ 12 năm đến 13 năm tù, phạt bổ sung số tiền: 20.000.000 đồng;

Phạm Thế V mức án từ 10 năm đến 11 năm tù, phạt bổ sung số tiền: 10.000.000 đồng;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt:

Nguyễn Thanh A mức án từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 03 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt:

Thiều Quang Hiền mức án từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- + Ma túy thu giữ của các bị cáo;
- + Các công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm.

Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

- + Số tiền 600.000 đồng là tiền do bị cáo P bán ma túy có được;
- + 01 camera màu trắng của bị cáo P dùng để quan sát người đến mua ma túy;
- + 02 điện thoại di động của bị cáo P dùng để liên hệ với người có nhu cầu mua ma túy.

Đề nghị trả lại cho các bị cáo:

- + 02 điện thoại của bị cáo A là điện thoại cá nhân dùng để liên lạc cá nhân;

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bị cáo V là điện thoại dùng để liên lạc cá nhân.

Đề nghị trả lại cho anh Đỗ Hải Đ: 01 chiếc xe gắn máy Honda AirBlade, không gắn biển số, số khung: RLHJF2703BY151326, số máy: JF27E-0977178.

Đề nghị đăng báo tìm chủ sở hữu: 01 giấy đăng ký xe biển số 34F4-5406, A khai có được là do lấy trộm xe gắn máy biển số: 34F4 – 5406.

Các bị cáo trình bày: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố và tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho các bị cáo.

Quá trình tranh luận, đối đáp đại diện Viện kiểm sát cũng như các bị cáo giữ nguyên quan điểm như đã nêu, không phát sinh tình tiết nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ áp dụng pháp luật: Bộ luật Hình sự áp dụng trong vụ án này là Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với nguyên tắc xử lý nghiêm trị đối với người chủ mưu, cầm đầu; Khoan hồng với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra theo quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố theo quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên bản phạm pháp quả tang, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại, vật chứng thu được, kết luận giám định về ma túy, kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình tố tụng. Trên cơ sở xem xét đánh giá công khai các chứng cứ một cách đầy đủ và toàn diện nhất, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

Từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, Phan Ngọc Nhật P đã có hành vi mua ma túy từ các đối tượng ngoài xã hội (chưa rõ lai lịch) để bán lại cho các con nghiện kiếm lời. Khi khám xét bắt quả tang tại nhà bị cáo P (địa chỉ: Nhà không số, sau số C Rạch C, Phường G, Quận H) đã thu giữ được số ma túy qua giám định xác định được là ma túy thể rắn loại Methamphetamine với khối lượng là 26,6008g. Bị cáo Phạm Thế V là đồng phạm giúp sức tích cực, hỗ trợ P giao ma túy để hưởng tiền công 200.000 đồng/ngày, quá trình điều tra xác định được Phạm Thế V đã 04 lần giúp Phan Ngọc Nhật P bán ma túy cho Nguyễn Thanh A. Vào ngày 07/6/2024, P và V còn bán ma túy cho Nguyễn Thanh A với số ma túy thu được là 0,1966g, loại Methamphetamine. Theo đó, tổng khối lượng ma túy mà P phải chịu trách nhiệm hình sự là 26,7974g, loại Methamphetamine. Đối với bị cáo Phạm Thế V biết rõ việc bán ma túy của bị cáo P nhưng vẫn giúp sức, tiếp tay cho bị cáo P trong việc bán ma túy cho các con nghiện, bị cáo nhiều lần theo sự chỉ đạo của P vào nơi để ma túy để lấy ma túy mang ra giao cho người mua, theo đó HĐXX xét bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bỏ mặc không cần quan tâm đến hậu quả, Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm cùng với số ma túy thu được của bị cáo Phan Ngọc Nhật P.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành A1 đã có hành vi tàng trữ 0,1966g, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng, song song đó để có tiền mua ma túy, bị cáo còn có hành vi nhiều lần trộm cắp xe máy, qua quá trình điều tra xác định được bị cáo đã có 04 lần trộm cắp xe máy nhưng chỉ có 02 lần xác định được bị hại và giá trị tài sản chiếm đoạt được, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/5/2024, bị cáo Nguyễn Thanh A có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy Wave, biển số 95F4-1719 của chị Nguyễn Thị Kim H2 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì xe có trị giá 2.250.000 đồng

+ Ngày 05/6/2024, bị cáo Nguyễn Thanh A có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy Honda AirBlade, màu đen của anh Đỗ Hải Đ theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì xe có trị giá là 3.000.000 đồng.

Đối với 02 lần còn lại, do không xác định được giá trị tài sản bị chiếm đoạt cũng như chưa xác định được chủ sở hữu của xe nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh A, do giới hạn xét xử nên Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo về những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

Đối với bị cáo Thiệu Quang H3 là người đã mua lại các xe máy mà bị cáo Nguyễn Thành A1 đã trộm được, bị cáo hoàn toàn có đủ căn cứ để biết đây là các tài sản do bị cáo A1 phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên bị cáo vẫn đồng ý mua các xe gắn máy nêu trên để bán lại kiếm lời. Bị cáo H3 thu lợi bất chính tổng số tiền là 200.000 đồng.

Từ các cơ sở trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các bị cáo phạm tội như sau:

- Phan Ngọc Nhật P và Phạm Thế V, đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Nguyễn Thanh A, đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Thiều Quang H3, đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Theo đó, các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Tội phạm do các bị cáo gây ra không những xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước và xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội.

Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phan Ngọc Nhật P. Riêng đối với bị cáo Phạm Thế V, Hội đồng xét xử xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, bị cáo chỉ là người làm công nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Thanh A và Thiều Quang H3 phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Thiều Quang H3 còn có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại cố ý thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, các bị cáo Phan Ngọc Nhật P, Nguyễn Thanh A và Thiều Quang H3 có nhân thân xấu, bị cáo P đã từng bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nay lại tiếp tục thực hiện tội phạm nên Hội đồng xét xử xét cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo P đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, các bị cáo A và H3 đã vận động gia đình tự nguyện nộp lại tiền với mong muốn nhằm khắc phục hậu quả do đó HĐXX cần áp dụng điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tương ứng với từng bị cáo để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Các nhận định trên cũng là nhận định của Hội đồng xét xử để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát cũng như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với các bị cáo tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Tại phiên tòa mặc dù bị hại là bà Nguyễn Thị Kim H2 vắng mặt nhưng bà H2 trong quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh A bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Mỹ N3 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh A bồi hoàn lại số tiền 800.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thanh A tự nguyện đồng ý dùng số tiền mà bị cáo đã vận động gia đình nộp để bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim H2 và bà Trần Mỹ N3. Hội đồng xét xử xét cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo Nguyễn Thanh A phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim H2 và bà Trần Mỹ N3 theo như yêu cầu, tiếp tục tạm giữ số tiền 5.500.000 đồng mà gia đình bị cáo A đã nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

+ Đối với bị hại Đỗ Hải Đ không có yêu cầu bồi thường nhưng đề nghị được nhận lại 01 chiếc xe gắn máy Honda AirBlade, không gắn biển số, số khung: RLHJF2703BY151326, số máy: JF27E-0977178, quá trình điều tra xác định được là xe của anh Đỗ Hải Đ bị Nguyễn Thanh A lấy trộm nên Hội đồng xét xử xét cần trả lại cho anh Đỗ Hải Đ.

+ Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo Phan Ngọc Nhật P và Nguyễn Thanh A xét cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 02 điện thoại thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh A; 02 điện thoại, 01 camera màu trắng thu giữ của bị cáo Phan Ngọc Nhật P, Hội đồng xét xử xét đây là các công cụ phương tiện mà bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 đoạn băng kim loại, 01 cờ lê 02 đầu tròn bằng kim loại, 01 cân tiểu ly màu bạc, 01 cân tiểu ly màu đen, 10 gói nylon, Hội đồng xét xử xét đây là các công cụ để thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, các đồ vật này cũng không còn giá trị sử dụng nên xét cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2027, màu xanh, là điện thoại dùng để liên lạc cá nhân của bị cáo Phạm Thế V, Hội đồng xét xử xét không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 giấy đăng ký xe biển số 34F4-5406, bị cáo Nguyễn Thanh A khai có được là do lấy trộm xe gắn máy, biển số: 34F4 – 5406, cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả nên Hội đồng xét xử xét cần chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Tịch thu sung ngân sách số tiền 600.000 đồng của bị cáo Phan Ngọc Nhật P là tiền do phạm tội mà có.

+ Buộc bị cáo Phan Ngọc Nhật P phải nộp lại số tiền 60.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Thiều Quang H3 nộp lại số tiền 200.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Tiếp tục tạm giữ số tiền mà gia đình bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H3.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Phan Ngọc Nhật P 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 08/06/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Căn cứ các điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt Phạm Thế V 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 08/06/2024.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt Nguyễn Thanh A 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2024.

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Thiều Quang H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày 14/06/2024.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh A bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim H2 số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh A bồi thường cho bà Trần Mỹ N3 số tiền 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng

Buộc bị cáo Thiều Quang H3 nộp lại số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng, do ông Nguyễn Thanh B tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Thanh A.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng do bà Lương Thị Ngọc T tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Thiều Quang H3.

(theo Giấy nộp tiền ngày 28/5/2024 của Ngân hàng TMCP C1)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng của bị cáo Phan Ngọc Nhật P.

(theo Giấy nộp tiền ngày 16/8/2024 của Ngân hàng TMCP C1)

Buộc bị cáo Phan Ngọc Nhật P nộp lại số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho anh Đỗ Hải Đ 01 chiếc xe gắn máy Honda AirBlade, không gắn biển số, số khung: RLHJF2703BY151326, số máy: JF27E-0977178.

Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ 01 (một) gói niêm phong ghi số: 2120/24, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Thanh A; hình dấu của Công an P1, Quận H và các chữ ký ghi tên cán bộ Nguyễn Huy L4 và giám định viên Phan Tấn Q1;

+ 01 gói nylon để trong hộp thiếc được niêm phong, ghi số: 2121/24, bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Thế V, Phan Ngọc Nhật P, hình dấu của Công an P1, Quận H và các chữ ký ghi tên cán bộ Nguyễn Huy L4 và giám định viên Phan Tấn Q1;

+ 01 đoạn băng kim loại;

+ 01 cò lê 02 đầu tròn bằng kim loại;

+ 01 cân tiểu ly màu bạc, phía sau có chữ QC.PASS, dùng để cân đo, phân chia ma túy bán cho khách;

+ 01 cân tiểu ly màu đen, phía sau có chữ 1*CR2032 Battery, dùng để cân đo, phân chia ma túy bán cho khách;

+ 10 gói nylon không chứa gì, dùng để đựng ma túy bán cho khách;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu N4 màu đen gắn sim số 0869093533 và 0936454463, số IMEI 1: 351288850437282; số IMEI 2: 351288850937281;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh tím không gắn sim, số IMEI 1: 868931041138642; số IMEI 2: 868931041338648;

+ 01 camera màu trắng hình dáng dạng bóng đèn (không rõ hiệu), dùng để quan sát người đến mua ma túy;

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số IMEI 1: 868613043154237, gắn sim số 0902.92.9014;

+ 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 màu trắng, số IMEI 1: 86529805098385, gắn sim số 0933.672.440, dùng để liên hệ với người có nhu cầu mua ma túy.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thế V 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2027, màu xanh, số IMEI 1: 862310051168870, dùng thuê bao số 0906.89.3564 và số 0334.316.894, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Lưu trong hồ sơ vụ án đối với 01 giấy đăng ký xe biển số 34F4-5406.

(Theo biên bản giao - nhận tang tài vật ngày 05/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8)

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 07/03/2025; Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQ CSĐT CA TP. HCM;
- CQ THA HS CA TP. HCM;
- Phân trại tạm giam Khu vực Quận 8 - Trại tạm giam Chí Hòa;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PV06;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tân